

NGHIÊN CỨU VỀ LÀNG KHOA BẢNG - MỘT LOẠI HÌNH LÀNG VIỆT, MỘT DÁNG NÉT VĂN HOÁ VIỆT NAM

BÙI XUÂN ĐÍNH*

“Làng khoa bảng” là loại hình làng tương đối đặc biệt, chứa đựng nhiều vấn đề khoa học lý thú mà giới sử học, dân tộc học và văn hoá dân gian cần đi sâu nghiên cứu. Sự xuất hiện của loại hình làng này là hệ quả của nền giáo dục phong kiến, của chế độ tuyển bổ quan lại thông qua con đường thi cử. Ngoài những nét chung của làng Việt, làng khoa bảng có nhiều nét riêng biệt.

Nghiên cứu làng khoa bảng nhằm tìm hiểu những đặc điểm của loại hình làng đặc biệt này, qua đó góp phần vào việc tìm hiểu các loại hình làng Việt cổ truyền, lý giải nhiều vấn đề về lịch sử - văn hoá Việt Nam, nhất là ảnh hưởng của Nho học, của chế độ giáo dục, thi cử phong kiến trong làng xã người Việt. Nghiên cứu làng khoa bảng còn nhằm rút ra những bài học kinh nghiệm lịch sử, phát huy truyền thống đối với việc phát triển giáo dục, đào tạo nhân tài ở nông thôn hiện nay.

1. Khái niệm về làng khoa bảng

Khái niệm “làng khoa bảng” được chúng tôi hiểu là những làng¹ có nhiều người đỗ đạt cao (từ Phó bảng trở lên) qua các kỳ thi của Nhà nước phong kiến. Do trước đây ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ có khá nhiều làng như vậy nên báo cáo này chỉ đề cập đến những làng có từ 10 người đỗ đại khoa trở lên.

* Tiến sĩ, Viện Dân tộc học, Việt Nam.

Làng khoa bảng khác với làng Nho học, là những làng có nhiều người theo đuổi việc học hành và thi cử theo khuôn khổ, nội dung của Nho giáo, tạo thành một tầng lớp nho sĩ đông đảo, song thường không có nhiều người đỗ đạt cao.

Căn cứ vào cuốn *Các nhà khoa bảng Việt Nam* (Nxb Văn học, 1993) và qua khảo sát thực tế ở một số địa phương, chúng tôi đã tạm thống kê được, trên vùng đồng bằng, trung du Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ có 23 làng khoa bảng tiêu biểu, tức là các làng có từ 10 người đỗ đại khoa trở lên. Số liệu cụ thể được thể hiện ở Bảng 1 và Bảng 2.

Bảng 1. Các làng khoa bảng có 10 người đỗ đại khoa trở lên

Số người đỗ trong một làng	Số làng	Thuộc các tỉnh								
		Bắc Ninh	Bắc Giang	Hà Nội	Hà Tây	Hà Tĩnh	Hải Dương	Hưng Yên	Thanh Hoá	Vĩnh Phúc
34	1	-	-	-	-	-	1	-	-	-
21	1	1	-	-	-	-	-	-	-	-
20	1	-	-	1	-	-	-	-	-	-
17	1	1	-	-	-	-	-	-	-	-
13	1	1	-	-	-	-	-	-	-	-
12	2	-	-	1	-	-	-	-	-	1
11	8	1	-	2	-	-	1	2	2	-
10	8	2	1	2	1	1	-	1	-	-
Cộng	23	6	1	6	1	1	2	3	2	1

Bảng 2. Số người đỗ đại khoa của các làng khoa bảng

STT	Làng	Số người đỗ	Chia ra					
			Trạng nguyên	Bảng nhãn	Thám hoa	Hoàng giáp	Tam giáp	Phó bảng
1	Mộ Trạch (Hải Dương)	34	1	-	-	10	23	-
2	Kim Đài (Bắc Ninh)	21	-	1	-	3	17	-
3	Đông Ngạc (Hà Nội)	20	-	1	-	2	15	2
4	Tam Sơn (Bắc Ninh)	17	2	1	1	3	9	1
5	Nội Duê (Bắc Ninh)	13	-	1	1	3	8	-
6	Tả Thanh Oai (Hà Nội)	12	-	-	-	3	9	-
7	Quan Tử (Vĩnh Phúc)	12	-	-	-	3	9	-
8	Hạ Yên Quyết (Hà Nội)	11	-	-	-	2	8	1
9	Nguyệt Áng (Hà Nội)	11	1	-	1	-	9	-
10	Hương Mạc (Bắc Ninh)	11	1	-	-	4	6	-
11	Xuân Cầu (Hưng Yên)	11	-	-	-	1	8	2
12	Lạc Đạo (Hưng Yên)	11	1	-	-	2	-	-
13	Nhân Lý (Hải Dương)	11	-	1	-	2	8	-

STT	Làng	Số người đỗ	Chia ra					
			Trạng nguyên	Bảng nhãn	Thám hoa	Hoàng giáp	Tam giáp	Phó bảng
14	Cổ Đồi (Thanh Hoá)	11	-	-	1	1	9	-
15	Nguyệt Viên (Thanh hoá)	11	-	-	-	-	8	3
16	Phú Thị (Hà Nội)	10	-	-	-	-	10	-
17	Thượng Yên Quyết (Hà Nội)	10	-	-	-	2	8	-
18	Vĩnh Kiều (Bắc Ninh)	10	-	-	2	-	8	-
19	Vọng Nguyệt (Bắc Ninh)	10	-	1	-	2	6	1
20	Yên Ninh (Bắc Giang)	10	-	-	2	2	6	-
21	Chi Nê (Hà Tây)	10	-	-	2	2	6	-
22	Thổ Hoàng (Hưng Yên)	10	-	-	-	2	8	-
23	Đông Thái (Hà Tĩnh)	10	-	-	-	-	7	3
	Cộng	297	6	6	9	49	214	13

2. Một số đặc điểm của các làng khoa bảng

1. Qua Bảng 1 và Bảng 2 cho thấy, nét nổi bật nhất của các làng khoa bảng là có một số lượng đông đảo những người đỗ đại khoa thuộc nhiều thế hệ kế tiếp nhau. Ở một số làng, những người này tập trung trong các gia đình khoa bảng hoặc các dòng họ khoa bảng. Nhiều dòng họ liên tục có người đỗ qua các kỳ thi. Nhiều gia đình, cả bố con, anh em, chú cháu, bác cháu, ông cháu vinh quy; có khi anh em chú cháu đỗ cùng khoa, như họ Vũ (Mộ Trạch), họ Nguyễn (Vĩnh Kiều, Kim Đồi), họ Ngô, họ Nguyễn (Tam Sơn), họ Dương (Lạc Đạo)...

Cùng với việc có nhiều người đỗ đại khoa, các làng khoa bảng còn có một số lượng khá đông đảo những người đỗ trung khoa (hương cống, cử nhân) và tiểu khoa (sinh đồ, tú tài). Ví dụ, làng Nguyệt Áng (Thanh Trì, Hà Nội) ngoài 11 tiến sĩ còn có 42 hương cống, cử nhân.

2. Đặc điểm nổi bật trên đây đã có ảnh hưởng rất lớn đến các đặc điểm khác của các làng khoa bảng, làm cho các làng này ngoài những nét chung của làng Việt còn có nhiều nét riêng. Xin nêu một số biểu hiện:

a. Phân hoá giai cấp không gay gắt, biểu hiện ở mức độ sở hữu ruộng đất nhỏ bé và manh mún. Qua các làng được khảo sát cho thấy, không xuất hiện những tầng lớp địa chủ có sở hữu dăm bảy chục mẫu ruộng liền bờ, mà chỉ có tầng lớp địa chủ nhỏ, với bình quân sở hữu từ 8 đến 15 mẫu. Chỉ riêng làng Mộ Trạch xuất hiện một tầng lớp địa chủ vừa và lớn với mức sở hữu bình quân 19 mẫu trở lên. Tình hình này có thể do các nguyên nhân sau:

- Một số làng có ít ruộng đất (Thượng - Hạ Yên Quyết, Đông Thái, Quan Tử...)
- Các làng có nhiều ruộng đất (Tam Sơn, Đông Ngạc...) thì việc chiếm hữu ruộng đất lại bị chi phối bởi nhiều yếu tố khác (chẳng hạn ruộng đất công

còn nhiều, kinh tế hàng hoá tương đối phát triển nên địa chủ kinh doanh ruộng đất “cắm chùng”.

- Ở một số làng (như Nguyệt Áng, Tả Thanh Oai) phần lớn những người đồ đạt có ruộng nhưng sống xa quê, không dùng ruộng đất để phát canh thu tô mà cho anh em họ hàng canh tác để giữ ruộng, cho nên, quan hệ bóc lột địa tô ở những làng này không mạnh mẽ.

b. Trong khi quan hệ giai cấp không thật sự gay gắt thì vấn đề “đẳng cấp” thể hiện ở ngôi thứ đình trung lại nổi lên và trở thành trọng yếu, trục trung tâm của sinh hoạt làng xã. Những người đồ đạt dù đã đi làm quan ở các nơi vẫn có ngôi thứ cao ở làng và trở thành tầng lớp có nhiều đặc lợi về ruộng đất, phần biểu, quyền điều hành hoặc tham gia điều hành việc làng, cả trong các sinh hoạt tôn giáo, hội hè. Các đặc quyền này được cụ thể hoá trong hương ước. Nhiều khi đặc quyền này được truyền cho con cháu hoặc anh em họ. Ở nhiều làng, các chức vụ chủ chốt trong bộ máy quản lý làng xã (tiên thứ chỉ, lý phó trưởng) và nhất là người viết văn tế hàng năm đều thuộc về người của các dòng họ khoa bảng.

c. Lệ tục của các làng khoa bảng nhìn chung phiền phức và tốn kém, nhất là lệ khao vọng khi đồ đạt, mua ngôi thứ, hội hè đình đám. Tuy nhiên, đầu thế kỷ này, ở một số làng, một số người đồ đạt có tư tưởng tiến bộ đã đề xướng phong trào cải cách phong tục, tiêu biểu là phó bảng Nguyễn Thiện Kế ở làng Tam Sơn (Bắc Ninh).

d. Về đời sống văn hoá, tôn giáo, tín ngưỡng: nét nổi bật nhất ở các làng khoa bảng là những người đồ đạt cao được tôn thờ, biểu hiện ở việc lập văn chỉ, có bia đá đẹp khắc tên tuổi, công tích; lệ xuân-thu tế được tổ chức đều đặn và trọng thể. Một số làng người đồ đạt cao nhất hay đồ khai khoa được lập đền thờ và có nghi thức tế lễ riêng. Đặc biệt, ở làng Tam Sơn, 16 tiến sĩ của làng được khắc bia thờ trong chùa, cùng thờ chung thành hoàng (thay cho đình làng). Một số người có hành trạng, công tích đặc biệt được tôn làm thành hoàng.

e. Những người đồ đại khoa ở các làng khoa bảng đã đảm nhận nhiều chức trách quan trọng khác nhau trong bộ máy chính quyền các cấp. Nhiều người làm quan đại thân trong triều, thực sự có tài, có nhiều công lao đóng góp xây dựng đất nước, nêu tấm gương sáng về đạo lý làm người, được sử sách ghi nhận. Nhiều người trở thành “biểu tượng” và là niềm tự hào của làng quê họ. Không những vậy, họ còn có nhiều công lao đóng góp dựng xây làng xóm như hiến ruộng, hiến tiền của để xây dựng và tu bổ đình chùa, đền miếu, văn chỉ... được dân làng lập bia ghi công.

f. Về tâm lý, tích cách: người các làng khoa bảng, nhất là ở các dòng họ và gia đình khoa bảng thường rất tự hào về truyền thống thành đạt của họ (đương nhiên, không tránh khỏi sự đố kỵ, chèn ép, tranh chấp giữa các dòng họ đồ đạt

và các dòng họ không đỗ đạt, cũng như giữa các họ đỗ đạt với nhau). Họ thường có xu hướng muốn phát huy ảnh hưởng của mình sang các dòng họ, làng quê khác. Tuy nhiên, việc tự hào với truyền thống, muốn phát huy ảnh hưởng của làng mình sang các làng bên nhiều khi đem lại những tính cách cùng những bất cập trong quan hệ, chẳng hạn: “Động đến quan viên Kẻ Vẽ (Đông Ngạc), bát mẻ không còn”.

3. Lý giải việc xuất hiện các làng khoa bảng

Việc xuất hiện các làng khoa bảng theo tôi là quy luật tất yếu trong sự phát triển của làng xã người Việt trong khuôn khổ của chế độ phong kiến Việt Nam. Cụ thể, đó là hệ quả của nền giáo dục Nho học, của việc tuyển bổ quan lại cho nhà nước thông qua con đường thi cử, đi học. Đi thi, mong đỗ đạt để được vinh quy về làng, được dân làng trọng vọng, rồi sau đó được bổ làm quan, có thể thay đổi hẳn thân phận đời mình và gia đình, không phải “chân lấm tay bùn”, nghèo khó như trước, tạo tương lai tốt đẹp cho con cái mai sau là động cơ thôi thúc bao người khác phục khó khăn để học tập trong sự khích lệ, giúp đỡ của gia đình, họ hàng, làng xóm.

Tuy nhiên, lại chỉ có một số làng có nhiều người đỗ đạt, trở thành làng khoa bảng. Tình hình đó là do những đặc điểm riêng của các làng đó, cụ thể là:

- Hầu hết các làng có cơ sở kinh tế khá. Đây là những làng có bình quân sở hữu ruộng đất cao, đồng ruộng thuận lợi cho canh tác (Tam Sơn, Đông Ngạc, Vĩnh Kiều, Mộ Trạch, Phú Thị...). Một số làng có nghề thủ công (Tam Sơn, Thượng- Hạ Yên Quyết, Hoa Cầu...). hoặc nằm sát đường giao thông, có chợ và buôn bán khá phát đạt (Lạc Đạo, Phú Thị, Quan Tử, Vĩnh Kiều..). Các hoạt động kinh tế đa dạng ấy tạo điều kiện thuận lợi cho nhiều gia đình làm ăn, tạo ra cơ sở vật chất tương đối đủ cho chồng con họ ăn học. Một điều kiện quan trọng khác là hầu hết các làng này đều gần kinh đô, nên việc các sĩ tử lều chõng đi thi cũng có nhiều thuận lợi.
- Trong bối cảnh chung của làng Việt ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ coi việc có nhiều người đi học, đi thi và đỗ đạt là niềm tự hào của làng, các làng khoa bảng đã có chế độ khuyến học thoả đáng đối với người đi học (không bắt lao động chân tay, miễn giảm đi lính, phu phen tạp dịch, cấp ruộng học điền...), với người đi thi (trợ cấp tiền gạo) và nhất là khuyến khích người đỗ đạt (đón rước vinh quy về làng, biểu mừng tiền, ruộng, ban vị trí ngôi thứ cao...). Đây là những điều kiện rất thuận lợi và cũng là động cơ để nhiều người gắng công dùi mài kinh sử, đi thi và quyết tâm thi đỗ; cũng như để gia đình họ khích lệ, động viên và giúp đỡ con em ăn học.
- Về mặt tín ngưỡng: ở hầu hết các làng khoa bảng, đều có quan niệm và tin rằng, làng họ có nhiều người đỗ đạt là do thế đất của làng hoặc của đình làng:

nằm trên mình con rồng, hay có hình thù như cái bảng, cuốn sách, cái bút..., hoặc trước cửa đình làng có doi đất hình cái bảng...Đấy chính là sức mạnh tâm lý thúc đẩy nhiều người miệt mài đèn sách.

Ba yếu tố trên đây là điều kiện chung và điều kiện cần để có thể xuất hiện làng khoa bảng. Còn phải có điều kiện đủ, tức là phải có những gia đình, dòng họ có người đỗ đạt mà điều này, được quyết định bởi các yếu tố sau:

- Yếu tố quan trọng đầu tiên là do tư chất của người đi học và đi thi. Trong lưu truyền dân gian ở nhiều làng và gia phả của nhiều dòng họ đều ghi nhận, những bậc đỗ đại khoa là những người từ thuở nhỏ đã bộc lộ tư chất thông minh, tài ứng đáp hơn người (và thực tế, sau này khi đã đỗ đạt, họ là những vị quan giỏi). Đã thông minh, họ lại ham học, được những người thầy giỏi dạy dỗ, được gia đình tạo các điều kiện tốt nhất để ăn học. Đấy là cơ sở để họ vượt qua các kỳ thi nghiêm ngặt và giành được học vị cao.
- Sự đỗ đạt và ra làm quan của một người đã làm thay đổi hẳn thân phận của gia đình về mọi phương diện (kinh tế, chính trị, quan hệ xã hội...), tạo ra những điều kiện thuận lợi mà trước đó bản thân và gia đình họ chưa bao giờ có được, để con em họ tiếp tục theo gương cha anh học tập và thành đạt. Nhiều dòng họ đã ghi vào trong tộc ước các lời khuyên răn con cái phải chịu khó đèn sách, các quy định khuyến học...Qua nhiều đời, việc phấn đấu thành đạt này trở thành truyền thống của gia đình, dòng họ, để có được các gia đình, dòng họ khoa bảng.
- Cũng như ở làng, về mặt tín ngưỡng, nhiều dòng họ quan niệm rằng, do ông tổ của dòng họ tìm được đất tốt để sinh cơ lập nghiệp, hoặc vì nhà thờ tổ, mộ tổ của họ được đặt ở đất tốt nên có nhiều người đỗ đạt. Đó cũng là sức mạnh tâm lý để họ theo đuổi đèn sách và thành đạt.

4. Tiếp nối và “đứt đoạn” truyền thống

Dưới thời phong kiến, có những làng chỉ trong một thời gian ngắn có tới hàng chục người đỗ đại khoa, nhưng sau đó, không còn người đỗ nữa (chẳng hạn, làng Quan Tử, từ 1453- 1505 có 11 tiến sĩ, đến năm 1541 có thêm 1 người nữa rồi sau đó “mất hẳn”, làng Phú Thị có 10 người đỗ từ 1703 đến 1779... Song hầu hết các làng, số người đỗ được “rải” từ đời Trần đến cuối thời Nguyễn. Tình hình đó cũng diễn ra tương tự ở các dòng họ. Việc tiếp nối hay đứt đoạn truyền thống này chỉ có thể giải thích rằng, do các điều kiện nêu ở phần trên có được duy trì và phát huy tốt trước những đổi thay của thời thế hay không.

Từ sau Cách mạng, một số làng vẫn phát huy được truyền thống của mình, như các làng Thượng-Hạ Yên Quyết, Đông Ngạc, Tam Sơn, có tới hàng trăm người tốt nghiệp đại học, nhiều người có học hàm học vị. Tuy nhiên, hầu hết các làng

không còn giữ được truyền thống nữa, chỉ còn 20-30 người đỗ đại học. Tình hình đó cũng có nguyên nhân tương tự như trên, nhất là do các làng đó không thích ứng có hiệu quả với nền giáo dục mới. Thêm vào đó là do toàn dân tập trung sức lực vào kháng chiến, cùng điều kiện vật chất thấp kém của thời bao cấp làm cho các làng không có người học lên.

CHÚ THÍCH

1. **Làng** là những đơn vị dân cư có địa vực riêng, cơ cấu tổ chức, lệ tục, thành hoàng, tiếng làng, tâm lý, tính cách riêng, hoàn chỉnh và tương đối ổn định; khác với **xã** là đơn vị hành chính cấp cơ sở của Nhà nước phong kiến ở vùng nông thôn Việt, có thể gồm một hay nhiều làng (thôn).